

Bản án số: 238/2020/HC-PT

Ngày: 11-8-2020.

*Vụ “Yêu cầu hủy Quyết định cưỡng
chế thu hồi đất và yêu cầu lập
phương án bồi thường, hỗ trợ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Châm và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 51/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2020 về “Yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5403/2020/QĐPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện Z, tỉnh H

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn B- Phó chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H - Theo Giấy uỷ quyền ngày 08/5/2019. (Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Z.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B – Phó Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H. (Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1960;

3.3. Anh Nguyễn Văn A2, sinh năm 1983;

3.4. Anh Nguyễn Văn A3, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

3.5. Chị Nguyễn Thị A4, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Z, tỉnh H.

(Bà A1, anh A2, anh A3, chị A4 đều vắng mặt tại phiên tòa)

3.6. Công ty TNHH xây dựng Q; Địa chỉ: Đường N, phường V, thành phố H, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C – Giám đốc; (Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Z ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND “*V/v: việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất để giao đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức BT*” nội dung thu hồi 63.650m² đất của 117 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức...(có danh sách chi tiết kèm theo về chủ sử dụng đất, diện tích, vị trí) và Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (có danh sách 117 hộ gia đình kèm theo). Do có sự điều chỉnh lại diện tích thu hồi của một số hộ gia đình nên ngày 31/12/2017 UBND huyện Z ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 28/QĐ-UBND nêu trên (sau đây viết tắt là Quyết định 28/QĐ-UBND và Quyết định 7854/QĐ-UBND).

Theo các Quyết định này, hộ gia đình ông Nguyễn Văn A bị thu hồi 284m² đất nông nghiệp trồng lúa tại xứ đồng %; thửa đất số 19 tại thôn X, xã Y, huyện Z, được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 124.676.000 đồng. Gia đình ông không đồng ý và không nhận số tiền bồi thường, không bàn giao đất.

Ngày 28/09/2018, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND “*Về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp*” cưỡng chế thu hồi đất đối với 60 hộ gia đình tại thôn X, xã Y, huyện Z trong đó có gia đình ông A. Ngày 24/10/2018, UBND huyện Z ban hành Thông báo số 110/TB-UBND về việc thông báo tổ chức cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất nông nghiệp đối với những hộ dân chưa nhận tiền bồi thường.

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện trình bày:*

- Gia đình ông có được biết về chủ trương, chính sách thu hồi đất nhưng không đồng ý chủ trương này. Về trình tự thủ tục thu hồi đất không đúng quy định pháp luật do không khảo sát, không kiểm đếm tài sản trên đất, không niêm yết

công khai phương án sau đó Chủ tịch UBND huyện đã vội vàng ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đúng với quy định của Điều 67 Luật đất đai.

- Ngày 28/3/2018, Bộ Tài chính đã ban hành văn bản số 3515/BTC-QLCS gửi các Bộ; UBND thành phố các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu tạm dừng việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư kể từ ngày 01/01/2018 nhưng tại Bắc Ninh, dự án xây dựng, cải tạo trục đường liên xã Y vẫn được thực hiện. Việc này trái với quy định của pháp luật gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi của gia đình ông.

- Về giá bồi thường UBND huyện Z áp dụng mức 158.040.000 đồng/360m² (439.000 đồng/m²) là quá rẻ, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, khiến gia đình ông thiệt thòi. Ông đề nghị phải bồi thường theo mức giá là 1.000.000.000đ/sào (Một tỷ đồng/sào).

- Trên phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông có trồng cây ăn quả trên đó. UBND huyện khi cưỡng chế thu hồi đất đã không tiến hành kiểm đếm và không bồi thường cho gia đình ông.

Ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H:

- Hủy một phần Quyết định số: 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z “Về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp” đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn A.

- Yêu cầu UBND huyện Z lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông số tiền 788.000.000 (Bảy trăm tám mươi tám triệu đồng) đối với diện tích 284m² bị thu hồi và bồi thường 100.000.000đ đối với số cây ăn quả trên đó (30 cây táo và 10 cây ổi đang đến thời kỳ thu hoạch) cho gia đình ông.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp mở rộng đường trục xã Y, huyện Z được thực hiện theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT); UBND tỉnh H đã có Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án: ĐTXD HTKT khu nhà ở hoàn trả vốn dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức BT. Việc thu hồi đất để đầu tư đối với dự án: ĐTXD HTKT khu nhà ở nhằm thực hiện việc hoàn trả vốn dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y, huyện Z. Do vậy, việc thu hồi đất này thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 10/01/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất để giao đất xây dựng HTKT khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức BT.

Ngày 31/12/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để giao đất thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng HTKT khu nhà hoàn trả vốn dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Y, huyện Z theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao BT.

Kết quả thực hiện bồi thường, hỗ trợ tính đến 30/10/2018: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB đã tổ chức 10 đợt chi trả tiền. Một số hộ gia đình cố tình không nhận tiền bồi thường và bàn giao đất theo quy định mặc dù đã được vận động, thuyết phục nhiều lần. Lý do các hộ gia đình không nhận tiền bồi thường vì họ cho rằng giá bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định phê duyệt là quá thấp, các hộ yêu cầu được thỏa thuận bồi thường và đề nghị được mua đất ở với giá ưu đãi.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện khẳng định thẩm quyền và trình tự thủ tục thu hồi đất cũng như việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định pháp luật và đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

** Ý kiến của Công ty TNHH xây dựng Q:*

Công ty TNHH xây dựng Q là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Y huyện Z theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) tại Quyết định số: 696/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND huyện Z. Nhà đầu tư đã tổ chức thi công hoàn thành cơ bản dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng trục đường xã Y.

Để thực hiện việc thanh toán quỹ đất cho Nhà đầu tư theo quy định của hợp đồng, UBND huyện Z đã lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các quỹ đất đối ứng được UBND tỉnh H giới thiệu địa điểm. Đồng thời, UBND huyện thực hiện đầy đủ các trình tự pháp lý theo quy định để tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng các khu đất đối ứng dự án BT. Nhà đầu tư đã ứng toàn bộ kinh phí cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB huyện để thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các hộ dân có đất thu hồi theo đúng Quyết định số 28/QĐ-UBND và Quyết định số 7854/QĐ-UBND. Nhà đầu tư đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB của 41 hộ có đất thu hồi thôn X vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Z.

Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông A theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A1, anh Nguyễn Văn A2, anh Nguyễn Văn A3, chị Nguyễn Thị A4 đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C và thống nhất với ý kiến của ông Cửu.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30; Điều 32; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014; Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về yêu cầu Hủy một phần Quyết định số: 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z “Về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp” đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn Cửu và yêu cầu UBND huyện Z lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông số tiền 788.000.000 (Bảy trăm tám mươi tám triệu đồng) đối với diện tích 284m² bị thu hồi và bồi thường 100.000.000đ đối với số cây ăn quả trên đất.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Cửu không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/8/2019, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện với lý do giá đất bồi thường, hỗ trợ quá thấp không bảo đảm quyền lợi của hộ gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: UBND huyện Z ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường là đúng căn cứ thu hồi đất quy định tại Điều 62 Luật đất đai; ban hành Quyết định đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đúng quy định nên không có cơ sở để buộc bồi thường theo giá đất mà người khởi kiện yêu cầu. Hộ gia đình không chấp hành Quyết định thu hồi đất nên Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình của đương sự; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn A hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn A:

[3.1] Về việc UBND huyện Z thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 519,6 m² đất nông nghiệp trồng lúa của gia đình ông Hoàng Văn Cẩn:

- Căn cứ để UBND huyện Z ban hành Quyết định thu hồi đất là để hoàn trả vốn cho Công ty Q đã đầu tư (theo hình thức BT) để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Y, huyện Z, nên thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Dự án này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 09/5/2017; Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/6/2017.

- Ngày 22/7/2016, UBND huyện Z ban hành Văn bản số 54/TB-UBND v/v *thông báo chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án và Kế hoạch số 661/KH-UBND v/v Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm GPMB*; ngày 22/7/2016 ban hành Quyết định số 1349/QĐ-UBND v/v *thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tổ công tác giúp việc*.

UBND huyện Z đã thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013, Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; đã tiến hành bàn giao và niêm yết công khai việc thu hồi đất của gia đình cũng như Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi theo quy định. Ngày 10/01/2017, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Ngày 25/11/2017, Hội đồng bồi thường GPMB ban hành Phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ GPMB. Ngày 31/12/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Theo quy định tại Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 của UBND tỉnh H về việc Ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019), tại Bảng giá số 01: Đất nông nghiệp nằm trong đề thi tiền bồi thường đất nông nghiệp giao lâu dài: 70.000 đồng/m² và các Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H quy định Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh áp dụng Phụ lục số 2 thì tiền bồi thường hoa màu trên đất: 9.000 đ/m². Khoản 1 Điều 20 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H thì tiền hỗ trợ ổn định

đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất: 10.000 đ/m²; Điều 21 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh H thì tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: tương ứng: 70.000 đ/m² x 5 = 350.000 đ/m². Áp dụng quy định nêu trên, UBND huyện Z đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng trên đất, các khoản hỗ trợ khác, tổng số tiền 124.676.000 đồng. Ông A không khiếu nại về diện tích thu hồi mà yêu cầu bồi thường theo giá đất 1.000.000.000 đồng/sào nhưng yêu cầu không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng.

Về việc ông A cho rằng không được bồi thường cây ăn quả trồng trên đất thu hồi: Tại Biên bản làm việc ngày 06/8/2019 giữa Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Z, đại diện UBND xã Y, đại diện thôn X, đã xác định vào thời điểm năm 2016 ông A không trồng cây ăn quả và ông trồng khoảng năm 2018 sau khi đã có Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án và Phương án bồi thường, hỗ trợ được niêm yết công khai hộ gia đình được bồi thường về cây trồng trên đất với tổng số tiền 4.676.400 đồng nhưng gia đình không có ý kiến thắc mắc gì. Do đó, bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông A về nội dung này là có cơ sở.

Công ty Q đã thực hiện Hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT) số 01/2016/HĐBT ngày 12/5/2016. Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng- chuyển giao thì Hợp đồng BT đã được ký kết trước ngày 01/01/2018 thì vẫn tiếp tục thực hiện thanh toán theo nội dung Hợp đồng BT đã ký kết.

UBND huyện Z đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là có căn cứ, đúng thẩm quyền, bảo đảm quy định tại Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND huyện Z phải thực hiện lại bồi thường, hỗ trợ theo thỏa thuận bồi thường với nhà đầu tư mức giá như người khởi kiện nêu.

[3.2] Về Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z:

Gia đình ông A không tự nguyện bàn giao đất GPMB. Ngày 20/4/2018, chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số: 3204/QĐ-UBND “*V/v thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất*”. Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã có Phương án số 01/PA-BTHCC ngày 02/10/2018 và UBND xã Y thành lập Tổ vận động tuyên truyền thu hồi đất tại Quyết định số: 134/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 và đã tiến hành vận động tuyên truyền gia đình thực hiện Quyết định thu hồi đất những gia đình không bàn giao đất.

Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh H có văn bản số 333/UBND-TNMT về việc đồng ý cho UBND huyện Z cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 28/9/2018, Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7285/QĐ-UBND Quyết định cưỡng chế cũng đã được Niêm yết công khai tại UBND xã Y và Hội trường Nhà văn hóa thôn X và giao cho gia đình.

Chủ tịch UBND huyện Z ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 7285/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật đất đai, nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định này, là có cơ sở.

[4] Người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[5] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, quy định của Luật đất đai nêu trên và quy định tại khoản 1, khoản 9 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính, UBND huyện Z, Chủ tịch UBND huyện Z là người bị kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Chủ tịch UBND huyện Z là người bị kiện, UBND huyện Z là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là chưa chính xác. Tuy nhiên Chủ tịch UBND huyện Z (là người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Z) đã tham gia tố tụng, đã có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và cung cấp tài liệu hồ sơ ban hành Quyết định hành chính; bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ tính hợp pháp của Quyết định số 28/QĐ-UBND và Quyết định 7854/QĐ-UBND nên chỉ là sai sót về tố tụng của cấp sơ thẩm và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án về nội dung.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Ông Nguyễn Văn A thuộc đối tượng được miễn án phí hành chính phúc thẩm và có đơn xin miễn nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.
2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn A.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

- *VKSND tỉnh H;*
- *Cục THADS tỉnh H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.*

Phan Thị Vân Hương

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Điều Văn Hằng Nguyễn Tất Nam

Phan Thị Vân Hương